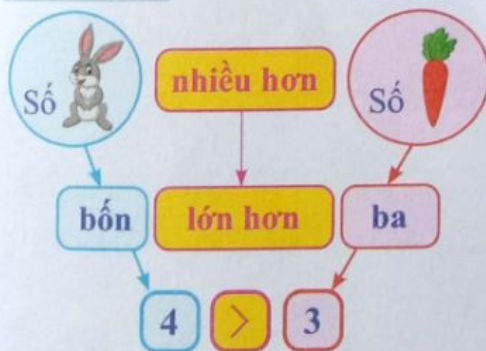
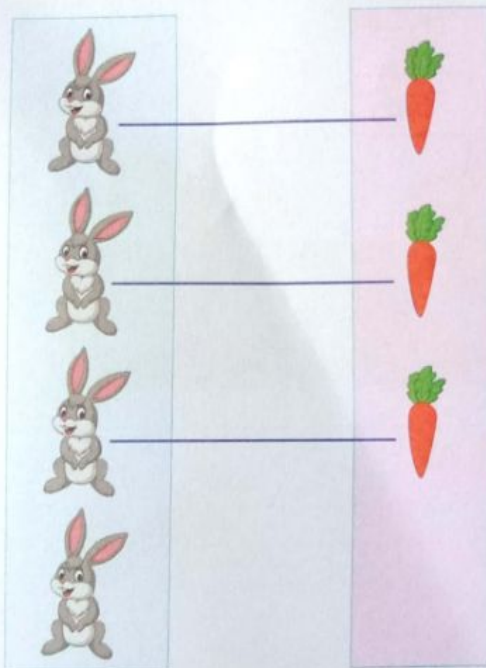
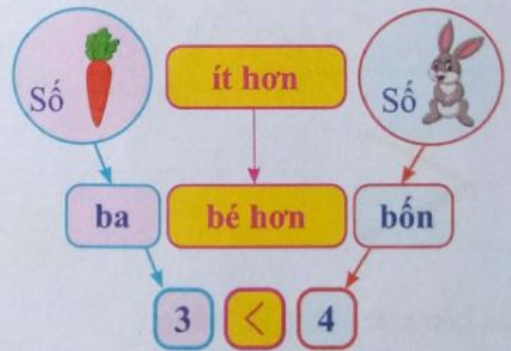
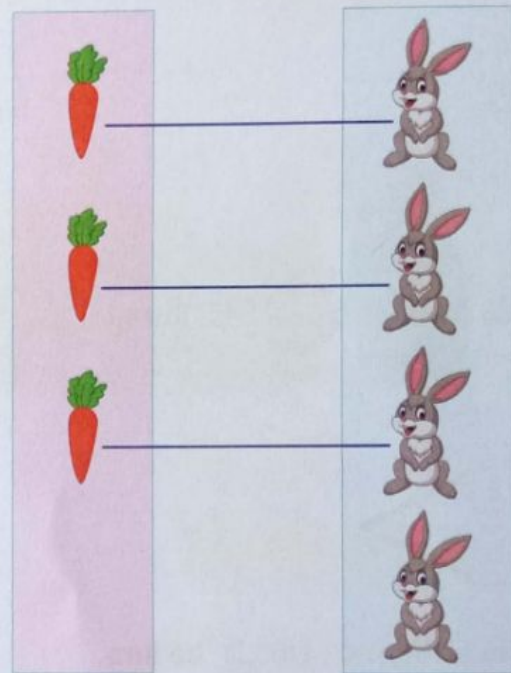


A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

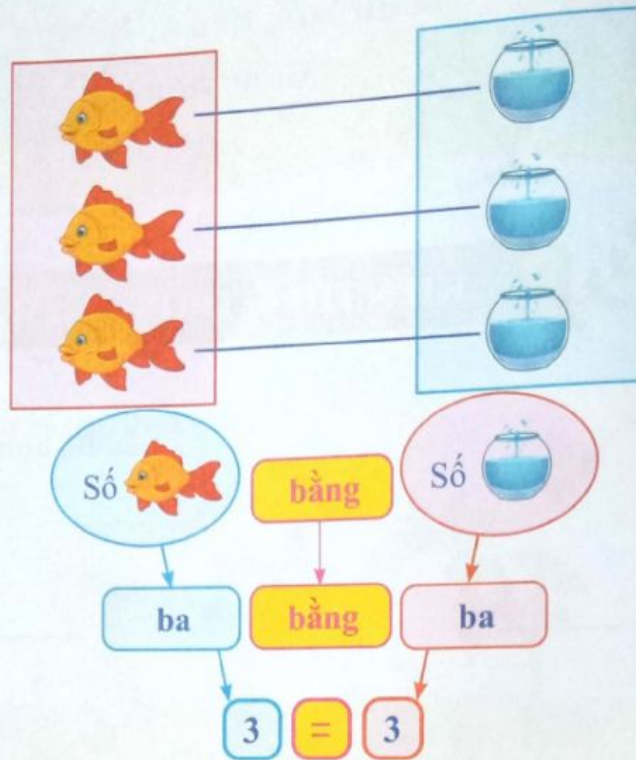
1. Lớn hơn, dấu >.



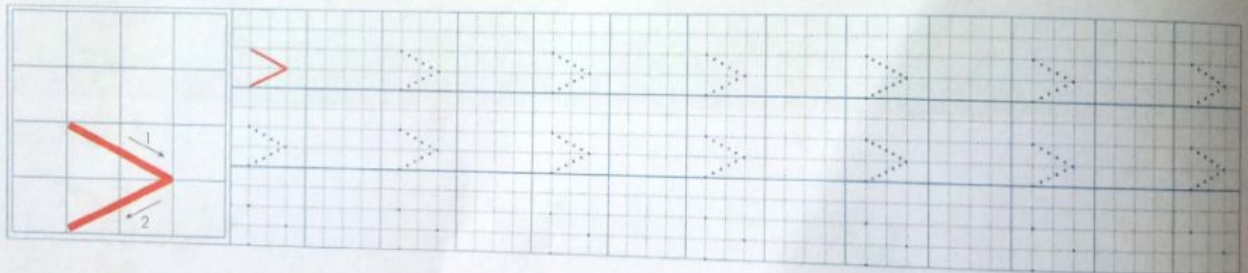
2. Bé hơn, dấu <.



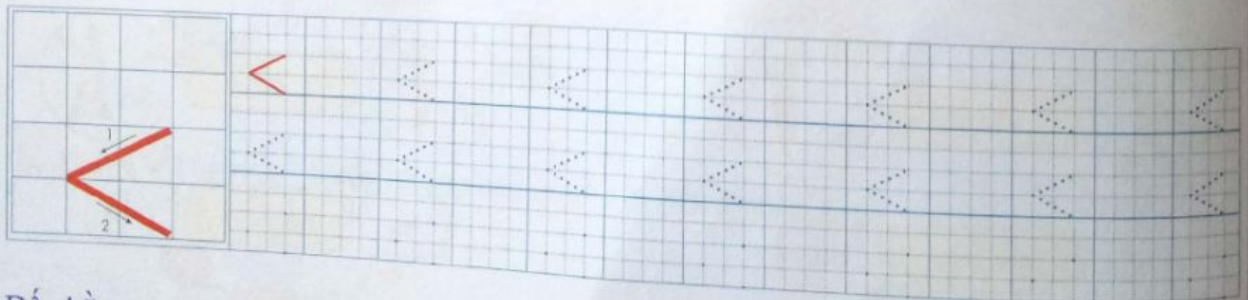
3. Bằng nhau, dấu =.



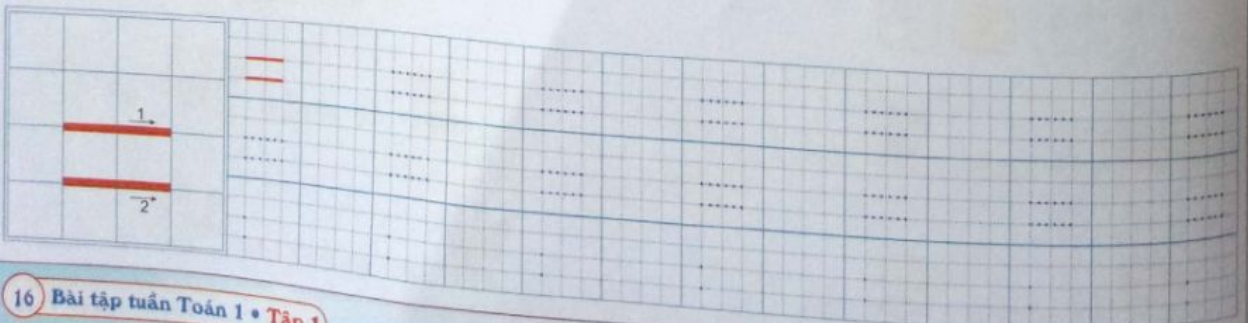
Dấu lớn hơn: $>$. Đọc là: **lớn hơn**.



Dấu bé hơn: $<$. Đọc là: **bé hơn**.



Dấu bằng: $=$. Đọc là: **bằng**.



B. BÀI TẬP



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1. $> ; < ; =$?

A. $>$

B. $<$

C. $=$



4 ? 3

Câu 2. $> ; < ; =$?

A. $>$

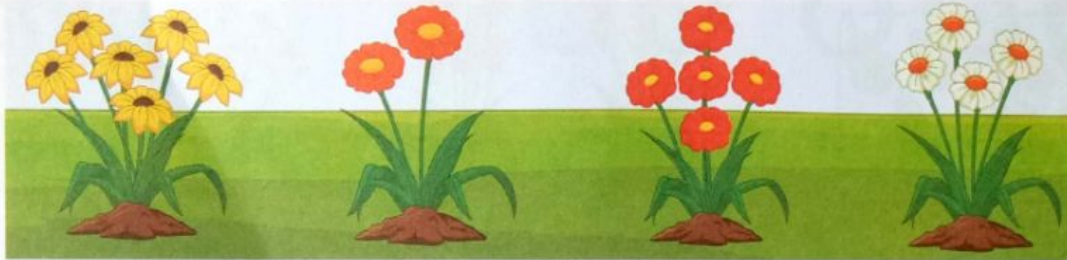
B. $<$

C. $=$



1 ? 5

Câu 3.



a. Số?



A. 4

B. 5

C. 6

b. $> ; < ; =$?

4 ? 6

A. $>$

B. $<$

C. $=$

c. $> ; < ; =$?

5 ? 2

A. $>$

B. $<$

C. $=$

d. Số nhỏ nhất là:

6 2 5 4

A. 6

B. 2

C. 5

D. 4

Câu 4. Số?

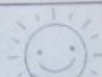
4 ? 7

A. 10

B. 3

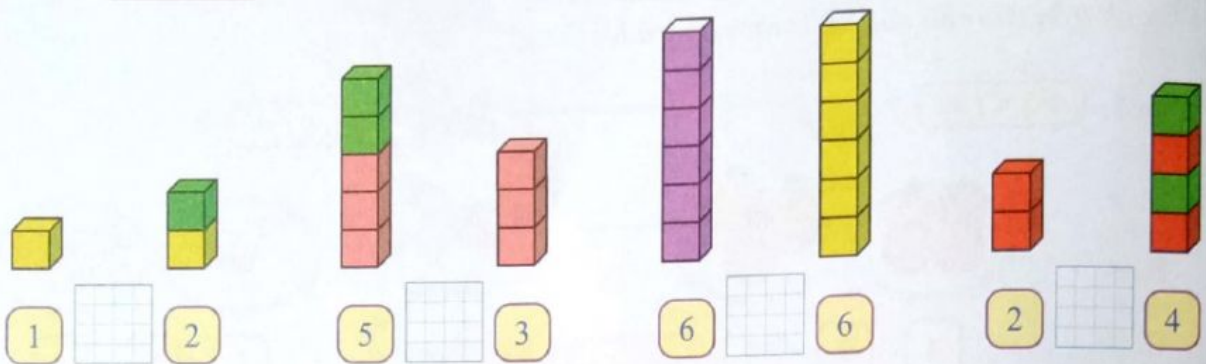
C. 8

D. 6

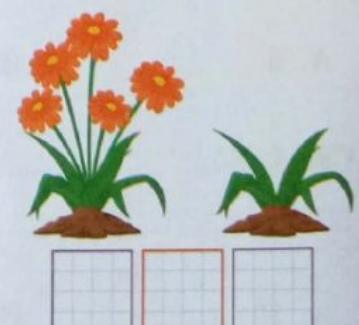
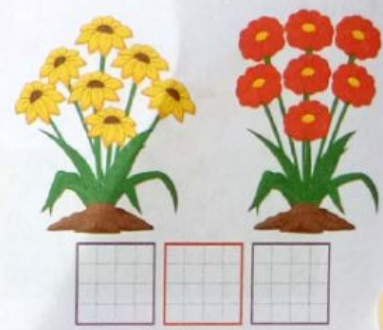
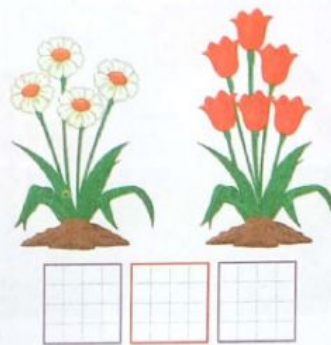
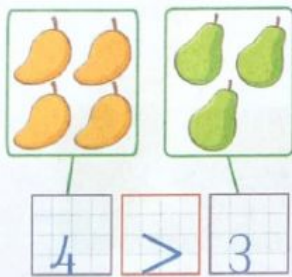


II. Phân tự luận.

Bài 1. $>$; $<$; $=$?



Bài 2. Viết (theo mẫu):



Bài 3. $> ; < ; =$?

7 8

5 9

3 0

6 8

Bài 4. Viết hai số đã cho vào đúng ô trống:

3 và 9

$<$

2 và 8

$>$

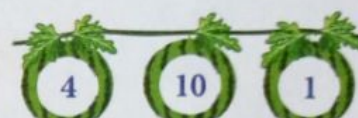
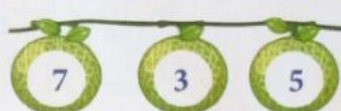
1 và 5

$<$

6 và 10

$>$

Bài 5. Sắp xếp các số đã cho theo thứ tự từ bé đến lớn:



Bài 6. Sắp xếp các số đã cho theo thứ tự từ lớn đến bé:



Bài 7. Điền (✓) vào ☐ dưới bạn hái được nhiều cà rốt nhất:



☐

☐

☐

☐